DANH SÁCH

Các khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục thực hiện tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" và đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ hằng năm thuộc thẩm quyền cấp xã quản lý

*(Kèm theo Quyết định số **2195** /QĐ-UBND ngày 09 /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
1. Phường Đông Kinh: 52		
1.	40 khối	Khu dân cư
2.	Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn	Cơ quan
3.	Trạm y tế phường	Cơ quan
4.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực đô thị	Cơ quan
5.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực đô thị	Cơ quan
6.	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn.	Cơ quan
7.	Thuế cơ sở 5 tỉnh Lạng Sơn	Cơ quan
8.	Trường Trung học cơ sở Đông Kinh	Cơ sở giáo dục (CSGD)
9.	Trường Trung học cơ sở Vĩnh Trại	CSGD
10.	Trường Trung học cơ sở Mai Pha	CSGD
11.	Trường Trung học cơ sở Yên Trạch	CSGD
12.	Trường Trung học phổ thông Việt Bắc	CSGD
13.	Trường Trung cấp Cộng đồng Hà Nội – Phân hiệu Lạng Sơn	CSGD
2. Phường Kỳ Lừa: 58		
14.	47 khối	Khu dân cư
15.	Trạm y tế phường	Cơ quan
16.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cao Lộc	Cơ quan
17.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Cao Lộc	Cơ quan
18.	Hạt Kiểm lâm khu vực Cao Lộc	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
19.	Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	CSGD
20.	Trường Trung học cơ sở Cao Lộc	CSGD
21.	Trường Trung học cơ sở Gia Cát	CSGD
22.	Trường Trung học cơ sở Tân Liên	CSGD
23.	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cao Lộc	CSGD
24.	Trường Trung học phổ thông Cao Lộc	CSGD
25.	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cao Lộc	CSGD
3. Phường Tam Thanh: 28		
26.	25 khối	Khu dân cư
27.	Trạm y tế phường	Cơ quan
28.	Trường Trung học cơ sở Tam Thanh	CSGD
29.	Trường Trung học cơ sở Hoàng Đồng	CSGD
4. Phường Lương Văn Tri: 24		
30.	19 khối	Khu dân cư
31.	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn	Cơ quan
32.	Trạm y tế phường	Cơ quan
33.	Trường Trung học cơ sở Chi Lăng	CSGD
34.	Trường Trung học cơ sở Quảng Lạc	CSGD
35.	Trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ	CSGD
5. Xã Bình Gia: 42		
36.	25 thôn	Khu dân cư
37.	Trạm y tế xã	Cơ quan
38.	Trung tâm y tế khu vực Bình Gia	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
39.	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn	Cơ quan
40.	Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn	Cơ quan
41.	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lạng Sơn.	Cơ quan
42.	Thuế cơ sở 4 tỉnh Lạng Sơn	Cơ quan
43.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Bình Gia	Cơ quan
44.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Bình Gia	Cơ quan
45.	Hạt Kiểm lâm khu vực Bình Gia	Cơ quan
46.	Ban Quản lý dự án khu vực X	Cơ quan
47.	Bưu điện khu vực Bình Gia	Cơ quan
48.	Đội Quản lý điện lực khu vực Bình Gia	Doanh nghiệp
49.	Trường Trung học cơ sở Tô Hiệu	CSGD
50.	Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	CSGD
51.	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Bình Gia	CSGD
52.	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Mông Ân	CSGD
53.	Trường Trung học phổ thông Bình Gia	CSGD
6. Xã Hoa Thám: 17		
54.	14 thôn	Khu dân cư
55.	Trạm y tế xã	Cơ quan
56.	Trường Trung học cơ sở Hưng Đạo	CSGD
57.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Hoa Thám	CSGD
7. Xã Thiện Hòa: 19		
58.	16 thôn	Khu dân cư
59.	Trạm y tế xã	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
60.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Yên Lỗ	CSGD
61.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thiện Hòa	CSGD
8. Xã Thiện Thuật: 23		
62.	19 thôn	Khu dân cư
63.	Trạm y tế xã	Cơ quan
64.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Quang Trung	CSGD
65.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thiện Thuật	CSGD
66.	Trường Trung học phổ thông Pác Khuông	CSGD
9. Xã Thiện Long: 18		
67.	14 thôn	Khu dân cư
68.	Trạm y tế xã	Cơ quan
69.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Hòa	CSGD
70.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thiện Long	CSGD
71.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Hòa Bình	CSGD
10. Xã Quý Hòa: 11		
72.	08 thôn	Khu dân cư
73.	Trạm y tế xã	Cơ quan
74.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Yên	CSGD
75.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quý Hòa	CSGD
11. Xã Hồng Phong: 21		
76.	18 thôn	Khu dân cư
77.	Trạm y tế xã	Cơ quan
78.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú - Trung học cơ sở Hồng	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
	Phong	
79.	Trường Trung học cơ sở Minh Khai	CSGD
12. Xã Tân Văn: 27		
80.	23 thôn	Khu dân cư
81.	Trạm y tế xã	Cơ quan
82.	Trường Trung học cơ sở Tân Văn	CSGD
83.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Hồng Thái	CSGD
84.	Trường Trung học cơ sở Bình La	CSGD
13. Xã Lợi Bác: 21		
85.	18 thôn	Khu dân cư
86.	Trạm y tế xã	Cơ quan
87.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Lợi Bác	CSGD
88.	Trường Trung học cơ sở Sàn Viên	CSGD
14. Xã Mẫu Sơn: 28		
89.	19 thôn	Khu dân cư
90.	Trạm y tế xã	Cơ quan
91.	Hải quan Cửa khẩu Chi Ma	Cơ quan
92.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu tổng hợp Chi Ma HTT	Doanh nghiệp
93.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tuấn Minh	Doanh nghiệp
94.	Công ty Cổ phần kiến trúc và phát triển du lịch	Doanh nghiệp
95.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Trần Quang Nghĩa	Doanh nghiệp
96.	Trường Trung học cơ sở Mẫu Sơn	CSGD
97.	Trường Trung học cơ sở Yên Khoái	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
98.	Trường Trung học cơ sở Tú Mịch	CSGD
15. Xã Lộc Bình: 68		
99.	39 thôn	Khu dân cư
100.	Trạm y tế xã	Cơ quan
101.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Lộc Bình	Cơ quan
102.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Lộc Bình	Cơ quan
103.	Hạt Kiểm lâm khu vực Lộc Bình	Cơ quan
104.	Trung tâm y tế khu vực Lộc Bình	Cơ quan
105.	Toà án Nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn	Cơ quan
106.	Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn	Cơ quan
107.	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Lạng Sơn.	Cơ quan
108.	Ban Quản lý dự án khu vực III	Cơ quan
109.	Đội quản lý thị trường số 3	Cơ quan
110.	Bảo hiểm xã hội cơ sở Lộc Bình	Cơ quan
111.	Thuế cơ sở 2 tỉnh Lạng Sơn	Cơ quan
112.	Phòng giao dịch số 8, Kho bạc Nhà nước khu vực VI	Cơ quan
113.	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình	Cơ quan
114.	Bưu điện khu vực Lộc Bình	Cơ quan
115.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Lộc Bình	Doanh nghiệp
116.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank) chi nhánh Lộc Bình	Doanh nghiệp
117.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Lộc Bình	Doanh nghiệp
118.	Đội Quản lý điện khu vực Lộc Bình	Doanh nghiệp

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
119.	Trung tâm viễn thông Lộc Bình	Doanh nghiệp
120.	Hợp tác xã Tiến Đạt	Doanh nghiệp
121.	Công ty TNHH MTV Đức Kiên Lạng Sơn	Doanh nghiệp
122.	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lộc Bình	CSGD
123.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hữu Khánh	CSGD
124.	Trường Trung học cơ sở Đồng Bục	CSGD
125.	Trường Trung học cơ sở Khánh Xuân	CSGD
126.	Trường Trung học cơ sở Lộc Bình	CSGD
127.	Trường Trung học phổ thông Lộc Bình	CSGD
128.	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Lộc Bình	CSGD
16. Xã Na Dương: 52		
129.	41 thôn	Khu dân cư
130.	Trạm y tế xã	Cơ quan
131.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh Lộc Bình – Phòng Giao dịch Na Dương	Doanh nghiệp
132.	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng Giao dịch Na Dương	Doanh nghiệp
133.	Ban Quản lý dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương 2	Doanh nghiệp
134.	Trường Trung học phổ thông Na Dương	CSGD
135.	Trường Trung học phổ thông Tú Đoạn	CSGD
136.	Trường Trung học cơ sở Na Dương	CSGD
137.	Trường Trung học cơ sở Tú Đoạn	CSGD
138.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tú Đoạn	CSGD
139.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Quan Bản	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
140.	Trường Trung học cơ sở Đông Quan	CSGD
17. Xã Thống Nhất (43)		
141.	36 thôn	Khu dân cư
142.	Trạm y tế xã	Cơ quan
143.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Hữu Lân	CSGD
144.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Minh Phát	CSGD
145.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hiệp Hạ	CSGD
146.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thống Nhất	CSGD
147.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nhượng Bạn	CSGD
148.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vân Mộng	CSGD
18. Xã Khuất Xá: 25		
149.	21 thôn	Khu dân cư
150.	Trạm y tế xã	Cơ quan
151.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tĩnh Bắc	CSGD
152.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tam Gia	CSGD
153.	Trường Trung học cơ sở Khuất Xá	CSGD
19. Xã Xuân Dương: 31		
154.	27 thôn	Khu dân cư
155.	Trạm y tế xã	Cơ quan
156.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Dương	CSGD
157.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Ái Quốc	CSGD
158.	Trường Trung học cơ sở Nam Quan	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
20. Xã Quốc Việt: 19		
159.	17 thôn	Khu dân cư
160.	Trạm y tế xã	Cơ quan
161.	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Độ	CSGD
162.	Trường Trung học cơ sở Đào Viên	CSGD
21. Xã Hội Hoan: 27		
163.	23 thôn	Khu dân cư
164.	Trạm y tế xã	Cơ quan
165.	Trường Phổ thông bán trú Trung học cơ sở xã Hội Hoan	CSGD
166.	Trường Phổ thông bán trú Trung học cơ sở Nam La	CSGD
167.	Trường Trung học cơ sở Gia Miễn	CSGD
22. Xã Na Sầm: 56		
168.	34 thôn	Khu dân cư
169.	Trạm y tế xã	Cơ quan
170.	Trung tâm y tế khu vực Văn Lãng	Cơ quan
171.	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn	Cơ quan
172.	Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn	Cơ quan
173.	Đội Quản lý Thị trường số 7	Cơ quan
174.	Bưu điện khu vực Văn Lãng	Cơ quan
175.	Bảo hiểm xã hội cơ sở Văn Lãng	Cơ quan
176.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Văn Lãng	Cơ quan
177.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Văn Lãng	Cơ quan
178.	Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Lãng	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
179.	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Lạng Sơn.	Cơ quan
180.	Thuế cơ sở 3 – tỉnh Lạng Sơn	Cơ quan
181.	Phòng Giao dịch số 10 – Kho bạc Nhà nước Khu vực VI	Cơ quan
182.	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Văn Lãng	Cơ quan
183.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Na Sầm.	Doanh nghiệp
184.	Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Văn Lãng	Doanh nghiệp
185.	Đội Quản lý điện khu vực Văn Lãng	Doanh nghiệp
186.	Trường Trung học cơ sở Na Sầm	CSGD
187.	Trường Trung học cơ sở Hoàng Việt	CSGD
188.	Trường Trung học cơ sở Lũng Vài	CSGD
189.	Trường Trung học phổ thông Văn Lãng	CSGD
190.	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Văn Lãng	CSGD
23. Xã Hoàng Văn Thụ: 54		
191.	46 thôn	Khu dân cư
192.	Trạm y tế xã	Cơ quan
193.	Hải quan Cửa khẩu Cốc Nam	Cơ quan
194.	Hải quan Cửa khẩu Tân Thanh	Cơ quan
195.	Trường Trung học cơ sở Tân Thanh	CSGD
196.	Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	CSGD
197.	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ	CSGD
198.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hồng Thái	CSGD
199.	Trường Phổ thông dân tộc Bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Nhạc Kỳ	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
24. Xã Cao Lộc: 17		
200.	13 thôn	Khu dân cư
201.	Trạm y tế xã	Cơ quan
202.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Lòa	CSGD
203.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Yên	CSGD
204.	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Thạch Đạn	CSGD
25. Xã Đồng Đăng: 43		
205.	36 thôn	Khu dân cư
206.	Trạm y tế xã	Cơ quan
207.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Xá	CSGD
208.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bảo Lâm	CSGD
209.	Trường Trung học cơ sở Thụy Hùng	CSGD
210.	Trường Trung học cơ sở Đồng Đăng	CSGD
211.	Trường Trung học cơ sở Hồng Phong	CSGD
212.	Trường Trung học phổ thông Đồng Đăng	CSGD
26. Xã Chi Lăng: 58		
213.	36 thôn	Khu dân cư
214.	Trạm y tế xã	Cơ quan
215.	Trung tâm y tế khu vực Chi Lăng	Cơ quan
216.	Bưu điện khu vực Chi Lăng	Cơ quan
217.	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Chi Lăng	Cơ quan
218.	Phòng giao dịch số 7, Kho bạc Nhà nước khu vực số VI	Cơ quan
219.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Chi Lăng	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
220.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng	Cơ quan
221.	Hạt Kiểm lâm khu vực Chi Lăng	Cơ quan
222.	Ban Quản lý dự án khu vực V	Cơ quan
223.	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Chi Lăng	Doanh nghiệp
224.	Công ty Cổ phần đá Thượng Thành	Doanh nghiệp
225.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Thành Linh	Doanh nghiệp
226.	Đội Quản lý điện lực khu vực Chi Lăng	Doanh nghiệp
227.	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Chi Lăng	CSGD
228.	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chi Lăng	CSGD
229.	Trường Trung học cơ sở Đồng Mỏ	CSGD
230.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỏ Đá	CSGD
231.	Trường Trung học cơ sở Quang Lang	CSGD
232.	Trường Trung học cơ sở Chi Lăng	CSGD
233.	Trường Trung học cơ sở Đồng Bành	CSGD
234.	Trường Trung học phổ thông Chi Lăng	CSGD
235.	Trường Trung học phổ thông Đồng Bành	CSGD
27. Xã Yên Bình: 26		
236.	22 thôn	Khu dân cư
237.	Trạm y tế xã	Cơ quan
238.	Trường Trung học cơ sở Quyết Thắng	CSGD
239.	Trường Trung học cơ sở Yên Bình	CSGD
240.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hòa Bình	CSGD
28. Xã Thiện Tân: 31		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
241.	26 thôn	Khu dân cư
242.	Trạm y tế xã	Cơ quan
243.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở 1 Thiện Tân	CSGD
244.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở 2 Thiện Tân	CSGD
245.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Sơn	CSGD
246.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tiến	CSGD
29. Xã Cai Kinh: 24		
247.	18 thôn	Khu dân cư
248.	Trạm y tế xã	Cơ quan
249.	Trường Trung học cơ sở xã Cai Kinh	CSGD
250.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Yên Sơn	CSGD
251.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Yên Vượng	CSGD
252.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tiến	CSGD
30. Xã Chiến Thắng: 29		
253.	24 thôn	Khu dân cư
254.	Trạm y tế xã	Cơ quan
255.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Vân An	CSGD
256.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Liên Sơn	CSGD
257.	Trường Trung học cơ sở Chiến Thắng	CSGD
258.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vân Thủy	CSGD
31. Xã Hữu Lũng: 53		
259.	34 thôn	Khu dân cư
260.	Trạm y tế xã	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
261.	Trung tâm y tế khu vực Hữu Lũng	Cơ quan
262.	Thuế cơ sở 1 tỉnh Lạng Sơn	Cơ quan
263.	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn	Cơ quan
264.	Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn	Cơ quan
265.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Hữu Lũng	Cơ quan
266.	Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hữu Lũng	Cơ quan
267.	Ban Quản lý dự án khu vực VI	Cơ quan
268.	Chi nhánh dịch vụ nông nghiệp khu vực Hữu Lũng	Cơ quan
269.	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn.	Cơ quan
270.	Hạt Kiểm lâm khu vực Hữu Lũng	Cơ quan
271.	Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Hữu Lũng	Doanh nghiệp
272.	Trường Trung học cơ sở Đồng Tân	CSGD
273.	Trường Trung học cơ sở Sơn Hà	CSGD
274.	Trường Trung học cơ sở Hồ Sơn	CSGD
275.	Trường Trung học cơ sở Hữu Lũng	CSGD
276.	Trường Dân tộc Nội trú Trung học phổ thông – Trung học cơ sở Hữu Lũng	CSGD
277.	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	CSGD
278.	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Hữu Lũng	CSGD
32. Xã Tuấn Sơn: 37		
279.	30 thôn	Khu dân cư
280.	Trạm y tế xã	Cơ quan
281.	Ga Voi Xô	Cơ quan
282.	Ga Phố Vị	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
283.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hòa Thắng	CSGD
284.	Trường Trung học cơ sở Hòa Thắng	CSGD
285.	Trường Trung học cơ sở Minh Sơn	CSGD
286.	Trường Trung học cơ sở Minh Hòa	CSGD
33. Xã Vân Nham: 36		
287.	30 thôn	Khu dân cư
288.	Trạm y tế xã	Cơ quan
289.	Trường Trung học cơ sở Vân Nham I	CSGD
290.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vân Nham II	CSGD
291.	Trường Trung học cơ sở Nhật Tiến	CSGD
292.	Trường Trung học cơ sở Minh Tiến	CSGD
293.	Trường Trung học phổ thông Vân Nham	CSGD
34. Xã Hữu Liên: 19		
294.	16 thôn	Khu dân cư
295.	Trạm y tế xã	Cơ quan
296.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hữu Liên	CSGD
297.	Trường Trung học cơ sở Yên Thịnh	CSGD
35. Xã Tân Thành: 32		
298.	27 thôn	Khu dân cư
299.	Trạm y tế xã	Cơ quan
300.	Trường Trung học cơ sở Tân Thành	CSGD
301.	Trường Trung học cơ sở Hòa Sơn	CSGD
302.	Trường Trung học cơ sở Hòa Lạc	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
303.	Trường Trung học phổ thông Tân Thành	CSGD
36. Xã Vạn Linh: 32		
304.	27 thôn	Khu dân cư
305.	Trạm y tế xã	Cơ quan
306.	Trường Trung học cơ sở Hòa Bình	CSGD
307.	Trường Trung học cơ sở Y Tịch	CSGD
308.	Trường Trung học cơ sở Vạn Linh	CSGD
309.	Trường Trung học phổ thông Hòa Bình	CSGD
37. Xã Bằng Mạc: 34		
310.	30 thôn	Khu dân cư
311.	Trạm y tế xã	Cơ quan
312.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thượng Cường	CSGD
313.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gia Lộc	CSGD
314.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bằng Hữu	CSGD
38. Xã Quan Sơn: 20		
315.	17 thôn	Khu dân cư
316.	Trạm y tế xã	Cơ quan
317.	Trường Trung học cơ sở Quan Sơn	CSGD
318.	Trường Phổ thông bán trú Trung học cơ sở Hữu Kiên	CSGD
39. Xã Nhân Lý: 26		
319.	22 thôn	Khu dân cư
320.	Trạm y tế xã	Cơ quan
321.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bắc Thủy	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
322.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lâm Sơn	CSGD
323.	Trường Trung học cơ sở Mai Sao	CSGD
40. Xã Thất Khê: 56		
324.	33 thôn	Khu dân cư
325.	Trung tâm y tế khu vực Tràng Định	Cơ quan
326.	Trạm y tế xã	Cơ quan
327.	Hạt Kiểm lâm khu vực Tràng Định	Cơ quan
328.	Thống kê cơ sở Thất Khê	Cơ quan
329.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Tràng Định	Cơ quan
330.	Chi nhánh dịch vụ nông nghiệp khu vực Tràng Định	Cơ quan
331.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Tràng Định	Cơ quan
332.	Chi nhánh cấp thoát nước Tràng Định	Cơ quan
333.	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Tràng Định	Cơ quan
334.	Ban Quản lý dự án khu vực VIII	Cơ quan
335.	Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Tràng Định	Doanh nghiệp
336.	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Tràng Định	Doanh nghiệp
337.	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (Lpbank) chi nhánh Tràng Định	Doanh nghiệp
338.	Đội Quản lý điện khu vực Tràng Định	Doanh nghiệp
339.	Công ty TNHH MTV Huy Hoàng, Tràng Định	Doanh nghiệp
340.	Trung tâm viễn thông Tràng Định	Doanh nghiệp
341.	Trường Trung học phổ thông Tràng Định	CSGD
342.	Trường Trung học cơ sở Chi Lăng	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
343.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Chí Minh	CSGD
344.	Trường Trung học cơ sở Đại Đồng	CSGD
345.	Trường Trung học cơ sở Thất Khê	CSGD
346.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đại Đồng II	CSGD
347.	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Tràng Định	CSGD
41. Xã Tràng Định: 29		
348.	24 thôn	Khu dân cư
349.	Trạm y tế xã	Cơ quan
350.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hùng Sơn	CSGD
351.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hùng Việt	CSGD
352.	Trường Trung học cơ sở Đề Thám	CSGD
353.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Bắc Ái 1	CSGD
42. Xã Tân Tiến: 29		
354.	24 thôn	Khu dân cư
355.	Trạm y tế xã	Cơ quan
356.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Bắc Ái 2	CSGD
357.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Tân Yên	CSGD
358.	Trường Trung học cơ sở Kim Đồng	CSGD
359.	Trường Trung học cơ sở Tân Tiến	CSGD
43. Xã Đoàn Kết: 27		
360.	22 thôn	Khu dân cư
361.	Trạm y tế xã	Cơ quan
362.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Cao Minh	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
363.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Đoàn Kết	CSGD
364.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Khánh Long	CSGD
365.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Vĩnh Tiến	CSGD
44. Xã Quốc Khánh: 33		
366.	29 thôn	Khu dân cư
367.	Trạm y tế xã	Cơ quan
368.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đội Cấn	CSGD
369.	Trường Trung học cơ sở Quốc Khánh	CSGD
370.	Trường Trung học cơ sở Tri Phương	CSGD
45. Xã Kháng Chiến: 21		
371.	17 thôn	Khu dân cư
372.	Trạm y tế xã	Cơ quan
373.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Trung Thành	CSGD
374.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở Tân Minh	CSGD
375.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kháng Chiến	CSGD
46. Xã Thụy Hùng: 31		
376.	27 thôn	Khu dân cư
377.	Trạm y tế xã	Cơ quan
378.	Trường Trung học cơ sở Thanh Long	CSGD
379.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Thụy Hùng	CSGD
380.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Long.	CSGD
47. Xã Văn Lãng: 35		
381.	31 thôn	Khu dân cư

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
382.	Trạm y tế xã	Cơ quan
383.	Trường Trung học cơ sở Bắc La	CSGD
384.	Trường Trung học cơ sở Tân Lang	CSGD
385.	Trường Trung học cơ sở Tân Tác	CSGD
48. Xã Kiên Mộc: 39		
386.	35 thôn	Khu dân cư
387.	Trạm y tế xã	Cơ quan
388.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Kiên Mộc	CSGD
389.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở THCS Bắc Xa	CSGD
390.	Trường Trung học cơ sở Bính Xá	CSGD
49. Xã Công Sơn: 17		
391.	13 thôn	Khu dân cư
392.	Trạm y tế xã	Cơ quan
393.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Công Sơn.	CSGD
394.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hải Yến	CSGD
395.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hòa Cư	CSGD
50. Xã Ba Sơn: 30		
396.	25 thôn	Khu dân cư
397.	Trạm y tế xã	Cơ quan
398.	Trường Trung học cơ sở Cao Lâu	CSGD
399.	Trường Trung học cơ sở Xuất Lễ	CSGD
400.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn	CSGD
401.	Trường Trung học phổ thông Ba Sơn	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
51. Xã Châu Sơn: 28		
402.	24 thôn	Khu dân cư
403.	Trạm y tế xã	Cơ quan
404.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cường Lợi	CSGD
405.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bắc Lãng	CSGD
406.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Châu Sơn	CSGD
52. Xã Thái Bình: 31		
407.	27 thôn	Khu dân cư
408.	Trạm y tế xã	Cơ quan
409.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Lâm Ca	CSGD
410.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thái Bình	CSGD
411.	Trường Trung học cơ sở Nông trường Thái Bình	CSGD
53. Xã Đình Lập: 37		
412.	26 thôn	Khu dân cư
413.	Trạm y tế xã	Cơ quan
414.	Trung tâm y tế khu vực Đình Lập	Cơ quan
415.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đình Lập	Cơ quan
416.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Đình Lập	Cơ quan
417.	Ban Quản lý dự án khu vực IV	Cơ quan
418.	Hạt Kiểm lâm khu vực Đình Lập	Cơ quan
419.	Trường Trung học cơ sở 1 Đình Lập	CSGD
420.	Trường Trung học cơ sở 2 Đình Lập	CSGD
421.	Trường Trung học phổ thông Đình Lập	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
422.	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp thường xuyên Đình Lập	CSGD
423.	Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đình Lập	CSGD
54. Xã Điềm He: 31		
424.	25 thôn	Khu dân cư
425.	Trạm y tế xã	Cơ quan
426.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Liên Hội	CSGD
427.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Liên Hội	CSGD
428.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Điềm He	CSGD
429.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trấn Ninh	CSGD
430.	Trường Trung học phổ thông Văn Quan	CSGD
55. Xã Tân Đoàn: 25		
431.	21 thôn	Khu dân cư
432.	Trạm y tế xã	Cơ quan
433.	Trường Trung học cơ sở Tân Thành	CSGD
434.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Đoàn	CSGD
435.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tràng Phái	CSGD
56. Xã Tri Lễ: 22		
436.	18 thôn	Khu dân cư
437.	Trạm y tế xã	Cơ quan
438.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Hữu Lễ	CSGD
439.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Tri Lễ	CSGD
440.	Trường Trung học cơ sở Lương Năng	CSGD
57. Xã Khánh Khê: 38		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
441.	30 thôn	Khu dân cư
442.	Trạm y tế xã	Cơ quan
443.	Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Doanh nghiệp
444.	Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	Doanh nghiệp
445.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bình Trung	CSGD
446.	Trường Trung học cơ sở Đồng Giáp	CSGD
447.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Xuân Long	CSGD
448.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Khánh Khê	CSGD
449.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tràng Các	CSGD
58. Xã Yên Phúc: 37		
450.	31 thôn	Khu dân cư
451.	Trạm y tế xã	Cơ quan
452.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Sơn 1	CSGD
453.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Sơn 2	CSGD
454.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Sơn 3	CSGD
455.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bình Phúc	CSGD
456.	Trường Trung học cơ sở Yên Phúc	CSGD
59. Xã Văn Quan: 47		
457.	19 thôn	Khu dân cư
458.	Trạm y tế xã	Cơ quan
459.	Trung tâm y tế khu vực Văn Quan	Cơ quan
460.	Bưu điện khu vực Văn Quan	Cơ quan
461.	Đội Quản lý thị trường số 5	Cơ quan

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
462.	Ban Quản lý dự án khu vực IX	Cơ quan
463.	Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Quan	Cơ quan
464.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Văn Quan	Cơ quan
465.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Văn Quan	Cơ quan
466.	Chi nhánh dịch vụ nông nghiệp khu vực Văn Quan	Cơ quan
467.	Bảo hiểm xã hội cơ sở Văn Quan	Cơ quan
468.	Thống kê cơ sở Văn Quan	Cơ quan
469.	Phòng giao dịch số 9, Kho bạc Nhà nước khu vực VI	Cơ quan
470.	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Văn Quan	Cơ quan
471.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Văn Quan	Doanh nghiệp
472.	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPbank) chi nhánh Văn Quan	Doanh nghiệp
473.	Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Văn Quan	Doanh nghiệp
474.	Trung tâm viễn thông Văn Quan	Doanh nghiệp
475.	Công ty TNHH MTV Thủy điện Đập Bản Quyền	Doanh nghiệp
476.	Công ty TNHH MTV Huệ Huyền LS	Doanh nghiệp
477.	Công ty Cổ phần thương mại – Dịch vụ Tân Minh	Doanh nghiệp
478.	Công ty TNHH MTV Trường Phát Văn Quan	Doanh nghiệp
479.	Công ty TNHH MTV Quốc Anh Văn Quan	Doanh nghiệp
480.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học & Trung học cơ sở Hòa Bình	CSGD
481.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tú Xuyên	CSGD
482.	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Văn Quan	CSGD
483.	Trường Trung học cơ sở Văn Quan	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
484.	Trường Trung học phổ thông Lương Văn Tri	CSGD
485.	Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp Văn Quan	CSGD
60. Xã Bắc Sơn: 53		
486.	30 thôn	Khu dân cư
487.	Trạm y tế xã	Cơ quan
488.	Trung tâm y tế khu vực Bắc Sơn	Cơ quan
489.	Chi nhánh dịch vụ nông nghiệp khu vực Bắc Sơn	Cơ quan
490.	Ban Quản lý dự án khu vực XI	Cơ quan
491.	Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Sơn	Cơ quan
492.	Bưu điện khu vực Bắc Sơn	Cơ quan
493.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Bắc Sơn	Cơ quan
494.	Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Bắc Sơn	Cơ quan
495.	Thống kê cơ sở Bắc Sơn	Cơ quan
496.	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Bắc Sơn	Cơ quan
497.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Bắc Sơn	Doanh nghiệp
498.	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPbank) chi nhánh Bắc Sơn	Doanh nghiệp
499.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank) chi nhánh Bắc Sơn	Doanh nghiệp
500.	Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Bắc Sơn	Doanh nghiệp
501.	Đội Quản lý điện lực khu vực Bắc Sơn	Doanh nghiệp
502.	Chi nhánh cấp thoát nước Bắc Sơn	Doanh nghiệp
503.	Trung tâm viễn thông Bắc Sơn	Doanh nghiệp
504.	Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
505.	Trường Trung học cơ sở Bắc Quỳnh	CSGD
506.	Trường Trung học cơ sở Long Đống	CSGD
507.	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Bắc Sơn	CSGD
508.	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Bắc Sơn	CSGD
509.	Trường Trung học phổ thông Bắc Sơn	CSGD
61. Xã Tân Tri: 28		
510.	24 thôn	Khu dân cư
511.	Trạm y tế xã	Cơ quan
512.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Tân Tri	CSGD
513.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Vạn Thủy	CSGD
514.	Trường Trung học cơ sở Đồng Ý	CSGD
62. Xã Vũ Lăng: 30		
515.	25 thôn	Khu dân cư
516.	Trạm y tế	Cơ quan
517.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Hương	CSGD
518.	Trường Trung học cơ sở Tân Lập	CSGD
519.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chiêu Vũ	CSGD
520.	Trường Trung học cơ sở Vũ Lăng	CSGD
63. Xã Vũ Lễ: 28		
521.	23 thôn	Khu dân cư
522.	Trạm y tế xã	Cơ quan
523.	Trường Trung học cơ sở Vũ Sơn	CSGD
524.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chiến Thắng	CSGD

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC
525.	Trường Trung học cơ sở Vũ Lễ	CSGD
526.	Trường Trung học phổ thông Vũ Lễ	CSGD
64. Xã Nhất Hòa: 25		
527.	21 thôn	Khu dân cư
528.	Trạm y tế xã	Cơ quan
529.	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Nhất Tiến	CSGD
530.	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Thành	CSGD
531.	Trường Trung học cơ sở Nhất Hòa	CSGD
65. Xã Hưng Vũ: 28		
532.	25 thôn	Khu dân cư
533.	Trạm y tế xã	Cơ quan
534.	Trường Trung học cơ sở xã Hưng Vũ	CSGD
535.	Trường Trung học cơ sở Trấn Yên	CSGD

Ấn định danh sách gồm: 2116 đầu mối, trong đó 1646 khu dân cư; 169 cơ quan; 47 doanh nghiệp; 254 cơ sở giáo dục.